

Bản án số: 24 /2017/HNGĐ-ST

Ngày 29/6/2017

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG - TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Quang Uyên
2. Ông Lê Duy Hiếu

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

Ngày 29 tháng 6 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 61/2017/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2017 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 16/2017/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đại Thị X, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai

Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai

Vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/3/2017, bản tự khai ngày 23/3/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Đại Thị X trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn L tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 6/2007 đến ngày 08/4/2008 anh chị đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trì Quang, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 13, quyền số 01/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi

nhau, Anh L nhiều lần đánh chị. Khi mâu thuẫn xảy ra, gia đình hai bên đã tham gia khuyên bảo hòa giải nhiều lần, nhưng vợ chồng chị vẫn không khắc phục được mâu thuẫn, mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Anh chị đã tự sống ly thân nhau từ đầu năm 2016, trong thời gian sống ly thân hai bên không còn quan tâm thăm hỏi đến nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể khắc phục được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

Về con chung: Chị X trình bày trong thời gian chung sống vợ chồng chị có hai con chung cháu Nguyễn Văn Q, sinh ngày 30/01/2008 và cháu Nguyễn Minh Q, sinh ngày 21/7/2010, cả hai cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường. Hiện nay cháu Nguyễn Minh Q đang ở cùng chị, cháu Nguyễn Văn Q đang ở cùng Anh L. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh Q, để Anh L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn Q, không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Đối với cháu Nguyễn Văn Q tại biên bản lấy lời khai ngày 10/4/2017 cháu có nguyện vọng được bố đẻ là anh Nguyễn Văn L trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Chị X trình bày trong thời gian chung sống vợ chồng chị có tạo dựng được một số tài sản chung trị giá không lớn. Chị thỏa thuận tự chia với Anh L và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Chị X xác nhận trong thời gian chung sống vợ chồng chị có vay Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, phòng giao dịch huyện Bảo Thắng số tiền 62.000.000đ, cụ thể ngày 27/02/2015 vay 50.000.000đ hạn trả nợ ngày 27/02/2020 và ngày 23/6/2015 vay 12.000.000đ hạn trả nợ ngày 23/6/2020. Đối với các khoản nợ trên do chưa đến hạn trả nợ nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng anh không trả lời cho Tòa án văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện. Đối với vụ án này Tòa án không tiến hành hoà giải được về quan hệ hôn nhân, nuôi dưỡng chăm sóc con chung vì Anh L đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do, nên Tòa án đã tiến hành lập biên bản về việc Anh L vắng mặt để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về việc cung cấp tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án, nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng cứ về nhân thân, địa chỉ thường trú, chứng cứ chứng minh về việc có đăng ký kết hôn và có con chung, chứng cứ chứng minh mâu thuẫn gia đình, chứng minh về thu nhập cá nhân của nguyên đơn và bị đơn. Bị đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ gì.

Tại phiên toà hôm nay chị Đại Thị X vẫn giữ nguyên yêu cầu và nguyện vọng của mình về quan hệ hôn nhân và nuôi dưỡng chăm sóc con chung. Đối với anh Nguyễn Văn L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

Như vậy cần xét xử vắng mặt anh là phù hợp với Điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Chị Đại Thị X có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai giải quyết “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” với anh Nguyễn Văn L. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Đại Thị X và anh Nguyễn Văn L là hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau, Anh L nhiều lần đánh chị. Việc mâu thuẫn của anh chị đã được chính quyền địa phương xác nhận. Hiện nay anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2016, trong thời gian sống ly thân hai bên không còn quan tâm thăm hỏi đến nhau. Xét thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng anh chị đã thực sự trầm trọng, anh chị sống ly thân nhau đã lâu nên mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị X là có căn cứ nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3]. Về con chung: Chị X và Anh L có hai người con chung cháu Nguyễn Văn Q, sinh ngày 30/01/2008 và cháu Nguyễn Minh Q, sinh ngày 21/7/2010, cả hai cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường. Hiện cháu Nguyễn Minh Q đang ở cùng chị X, còn cháu Nguyễn Văn Q đang ở cùng Anh L. Tại phiên tòa hôm nay chị X vẫn giữ nguyên yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh Q để Anh L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn Q, không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của chị X. Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng chị X sống ly thân, tháng 01/2016 chị đưa cả hai cháu về nhà bố mẹ đẻ chị sinh sống, đến tháng 10/2016 Anh L đến đón cả hai cháu về ở cùng bố mẹ đẻ Anh L. Sau khi nộp đơn xin ly hôn một thời gian chị X đã đến đón cháu Nguyễn Minh Q về nuôi dưỡng, chị X đã cung cấp chứng cứ chứng minh công việc của chị là làm ruộng và bán hàng mức thu nhập bình quân từ 2.000.000đ đến 2.500.000đ/tháng và đã được trưởng thôn xác nhận, còn Anh L chăn nuôi và làm ruộng. Tuy nhiên theo xác nhận của UBND xã T thì gia đình chị X, Anh L thuộc hộ nghèo, mức thu nhập theo quy định chuẩn nghèo giai đoạn 2016 - 2020 là 700.000đ/hộ/tháng. Để đảm bảo cuộc sống ổn định của các cháu, xuất phát từ lợi

ích mọi mặt của các cháu và nguyện vọng của cháu Nguyễn Văn Q nên cần giao cháu Nguyễn Minh Q cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Văn Q cho Anh L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 . Về nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung, chị X không yêu cầu về nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Chị X xác nhận trong thời gian chung sống vợ chồng chị có tạo dựng được một số tài sản chung trị giá không lớn, khi ly hôn chị sẽ tự thỏa thuận chia với Anh L nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5]. Về công nợ chung: Hiện nay vợ chồng anh chị còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam phòng giao dịch huyện Bảo Thắng tổng số tiền là 62.000.000đ. Đối với khoản nợ trên do chưa đến hạn trả nợ nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Đại Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/ Xử cho chị Đại Thị X được ly hôn với anh Nguyễn Văn L

2/ Về con chung: Xử giao cháu Nguyễn Minh Q, sinh ngày 21/7/2010 cho chị Đại Thị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Nguyễn Văn Q, sinh ngày 30/01/2008 cho anh Nguyễn Văn L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn chị Đại Thị X và anh Nguyễn Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3/Về án phí: Chị Đại Thị X phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Thắng theo biên lai số 0009082 ngày 23/3/2017. Chị X đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh LC;
- VKSND tỉnh LC;
- VKSND huyện BT;
- UBND xã T;
- Đương sự (2);
- Chi cục THADS BT;
- Lưu HS, TA, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Phạm Thị Thu Hằng